TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 3 - 2025
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan, bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21/3/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 963/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2024 về việc "*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Công D, sinh năm 1969.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Số nhà 138/21 Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*các đương sự vắng mặt, đều có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Ông Phạm Công D và bà Nguyễn Thị O tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đến năm 1996, các đương sự chuyển đến sinh sống tại số nhà 138/21 Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho đến nay nhưng cũng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông D và bà O phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn nên ông D khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông D và bà O.

Về con chung: Ông Phạm Công D và bà Nguyễn Thị O có hai con chung là chị Phạm Thị P, sinh ngày 17/8/1991 và anh Phạm Công T, sinh ngày 19/10/1996. Hiện các con chung đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự nên ông không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng bị đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị O và ông Phạm Công D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đến năm 1996, các đương sự chuyển đến sinh sống tại số nhà 138/21 Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho đến nay. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Nay ông D khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông bà thì bà O đồng ý.

Về con chung: Ông bà có hai con chung như lời trình bày của ông Phạm Công D là đúng. Hiện các con chung đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án:

+ *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án từ khi Tòa án thụ lý vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung*: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Công D: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông D và bà O; về con chung, hai con chung đều đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Phạm Công D yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bà Nguyễn Thị O (cư trú tại phường E, thành phố B), đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định về việc tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với kết quả xác minh, cụ thể:

+ Tại Biên bản xác minh ngày 26/12/2024 (bút lục 17), UBND phường E, thành phố B cung cấp thông tin: "*Ông Phạm Công D và bà Nguyễn Thị O sinh sống tại phường E từ đầu năm 1992 cho đến nay. Trong quá trình chung sống tại địa phương, ông D và bà O không làm thủ tục đăng ký kết hôn*".

+ Tại Công văn số 15/UBND-TP ngày 21/02/2025 (bút lục 24), UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định cung cấp thông tin: "*Qua việc kiểm tra sổ đăng ký kết hôn lưu trữ từ năm 1988-1996 thì không có tên của công dân Phạm Công D và Nguyễn Thị O*".

Như vậy, việc các đương sự chung sống với nhau không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công D đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bà Nguyễn Thị O là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Hai con chung của ông D và bà O đều đã thành niên, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Phạm Công D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Công D.

Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Phạm Công D và bà Nguyễn Thị O là vợ chồng.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông Phạm Công D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2023/0012498 ngày 04/12/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án này được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp BMT;
- CCTHADS Tp B;
- UBND phường E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng